

NGÔI LỜI ĐÃ HÓA THÀNH NHỤC THỂ

(1:14)

Ở đây chúng ta gặp câu quan trọng nói lên chủ đích để Gioan viết cuốn phúc âm của mình. Ông đã suy tư và nói về lời của Thiên Chúa, lời đầy quyền lực, sáng tạo, đa năng, đó là tác nhân của công trình sáng thế, lời hướng dẫn, chỉ đạo, điều khiển đó đặt trật tự trong vũ trụ và đặt lý trí trong con người. Những ý tưởng này được cả người Do thái lẫn người Hylạp đều biết và quen thuộc. Bây giờ ông nói đến một việc hầu như là lần đầu tiên và là điều khó tin nhất từ trước đến giờ rằng *“Lời sáng tạo nên thế giới này, lý trí điều khiển trật tự thế giới này, đã trở thành một con người và chính mắt chúng ta đã nhìn thấy Ngài.”* Chữ mà Gioan dùng cho việc nhìn thấy *lời* này là chữ theasthai; nó được dùng hơn hai mươi lần trong Tân Ước và luôn dùng để nói về cái nhìn thực sự thể lý. Nó không là cái nhìn tinh thần với con mắt của linh hồn hay của tâm trí. Gioan công bố rằng Lời thực sự đến thế gian trong hình thể của con người và đã được nhìn thấy bởi đôi mắt trần tục của con người. Ông nói *“Nếu bạn muốn nhìn thấy lời sáng tạo này, lý trí điều khiển này ra sao thì hãy nhìn vào Đức Giêsu Nazareth”*.

Đây là điểm làm cho Gioan tách ra khỏi tất cả tư tưởng đã đi qua trước ông. Đây là điều hoàn toàn mới mà Gioan đã mang đến thế giới Hylạp mà vì nó ông viết cho. Thánh Augustinô sau này nói rằng trong thời gian trước khi trở lại Kitô giáo ông đã đọc và học các triết gia ngoại giáo lớn và đã đọc rất nhiều thứ, nhưng ông chưa bao giờ đọc thấy **Lời hóa thành nhục thể**.

Đối với người Hylạp đây là chuyện bất khả thi. Một chuyện mà không người Hylạp nào dám mơ đến là Thiên Chúa có thể mặc lấy một thân xác. Đối với người Hylạp thân xác là xấu xa, là một nhà tù trong đó linh hồn bị giam hãm, một ngôi mộ trong đó tinh thần bị nhốt giữ.

Đây là một điều quá mới làm choáng váng rằng – Thiên Chúa có thể và muốn trở thành một con người, Thiên Chúa có thể bước vào trong cuộc đời mà chúng ta đang sống, vô biên có thể xuất hiện trong thời gian, Đấng Tạo Hóa có thể xuất hiện trong tạo vật trong một cách mà mắt trần có thể thực sự nhìn thấy Ngài.

Ý niệm về Thiên Chúa trong hình thể con người này quá mới lạ làm choáng váng đến ngay cả những người ở trong Giáo hội cũng không thể tin được. Điều mà Gioan nói là Lời trở nên xác phàm (sarx, xác thịt, flesh). Chữ này được Gioan dùng đi dùng lại để diễn tả điều ông gọi là xác phàm, thân xác tự nhiên của con người trong tất cả yếu đuối của nó và trong tất cả liên hệ của nó với tội lỗi. Ý tưởng dùng chữ này áp dụng cho Thiên Chúa gây sốc cho nhiều người vì thế trong giáo hội có một nhóm người gọi là Huyền tượng phái (Docetists) cho rằng Chúa Giêsu chỉ có dáng vẻ con người thôi. Ngài chỉ là một bóng ma, thân xác Ngài không phải là thân xác thực; Ngài không hề thực sự cảm thấy đói hay mệt nhọc, buồn sầu hay đau khổ; Ngài thực ra là một thần khí bị nhốt trong hình thể con người. Gioan đặt vấn đề trực tiếp với nhóm người này trong thư Thứ Nhất của ông *“Căn cứ vào điều này, anh em nhận ra thần khí của Thiên Chúa: thần khí nào tuyên xưng Đức Giêsu Kitô là Đấng đã đến và trở nên người phàm, thì thần khí ấy bởi Thiên Chúa; còn thần khí nào không tuyên xưng Đức Giêsu, thì không bởi Thiên Chúa; đó là thần khí của tên phản Kitô”* (1Ga 4:2-3). Bề rôi này được sinh ra bởi một loại tôn kính sai lạc khi lẫn tránh việc tuyên xưng Chúa Giêsu là một con người hoàn toàn và thực thụ. Vì đối với Gioan điều đó đối nghịch với toàn bộ phúc âm Kitô giáo.

Chúng ta cũng thường quá chú trọng nhấn mạnh về thiên tính thực của Chúa Giêsu nên có khuynh hướng quên đi sự kiện Ngài cũng là một con người trọn vẹn. Lời đã hóa thành nhục thể - có lẽ ở đây chứ không ở một nơi nào khác trong Tân Ước chúng ta có lời công bố long trọng về nhân tính toàn vẹn của Chúa Giêsu như vậy. Trong Chúa Giêsu chúng ta nhìn thấy Lời sáng tạo của Thiên Chúa, lý trí điều khiển của Thiên Chúa, mặc lấy nhân tính vào chính Ngài. Trong Chúa Giêsu chúng ta thấy Thiên Chúa sống đời sống như là Ngài muốn sống nếu Ngài là một con người. Giả sử như chúng ta không nói gì khác về Chúa Giêsu thì chúng ta vẫn có thể nói rằng Ngài chỉ cho chúng ta cách Thiên Chúa sẽ sống thế nào đời sống mà chúng ta phải sống.

Ngôi Lời đã trở nên xác phàm và cư ngụ giữa chúng ta. Chúng tôi đã được nhìn thấy vinh quang của Người, vinh quang mà Chúa Cha ban cho Người, là Con Một đầy tràn ân sủng và sự thật (Ga 1:14). Câu này là một câu đơn quan trọng nhất trong Tân Ước; vì thế chúng ta cần bỏ nhiều thời gian để tìm hiểu kỹ lưỡng để hiểu được sự phong phú của nó một cách trọn vẹn.

Chúng ta đã thấy những chữ quan trọng đã ám ảnh tâm trí Gioan và ngự trị suy tưởng của ông ra sao và chúng đã biến thành chủ đề mà trên đó toàn bộ sứ điệp của ông được thảo ra thế nào. Ở đây chúng ta có ba chữ nữa:

1. Chữ đầu tiên là **ân sủng** (grace). Chữ này luôn có hai ý tưởng căn bản trong nó.

(a) Nó luôn luôn hàm chứa ý tưởng về một điều gì đó hoàn toàn bất xứng. Nó luôn luôn hàm chứa ý tưởng về điều gì đó mà chúng ta không bao giờ thủ đắc hay đạt được bởi chính chúng ta. Sự kiện Thiên Chúa đến thế gian để sống và chết cho con người không phải là điều mà con người xứng đáng được hưởng; đó là một hành động hoàn toàn vì tình yêu từ phía của Thiên Chúa. Chữ ân sủng nhấn mạnh cùng một lúc sự nghèo nàn bất xứng của con người và lòng nhân hậu vô bờ của Thiên Chúa.

(b) Nó luôn luôn hàm chứa ý tưởng về vẻ đẹp trong nó. Trong tiếng Hy Lạp hiện đại chữ này có nghĩa là quyến rũ, đáng yêu (charm). Trong Chúa Giêsu chúng ta thấy sự thu hút hoàn toàn của Thiên Chúa. Người ta nghĩ về Thiên Chúa về phương diện quyền năng và uy nghiêm, sức mạnh và công bằng. Họ nghĩ về quyền lực của Thiên Chúa đè bẹp mọi đối phương và thắng đẹp mọi chống đối nhưng trong Chúa Giêsu người ta đối diện với sự đáng yêu hoàn toàn của Thiên Chúa.

2. Chữ thứ hai là **chân lý**, sự thật (truth). Chữ này là chữ chủ đạo trong cuốn Phúc âm Thứ tư. Chúng ta sẽ gặp nó hoài hoài. Ở đây chúng ta chỉ tóm lược những gì Gioan cần phải nói về Chúa Giêsu và chân lý.

(a) *Chúa Giêsu là hiện thân của chân lý*. Ngài nói “Thầy là sự thật” (14:6). Muốn nhìn thấy sự thật chúng ta phải nhìn vào Chúa Giêsu. Đây là một điều quý giá tuyệt vời cho mọi trí óc và tâm hồn đơn sơ. Rất ít người có thể nắm bắt được những ý tưởng trừu tượng; hầu như người ta suy nghĩ bằng hình ảnh. Chúng ta có thể nghĩ và tranh luận mãi mãi và chúng ta sẽ chẳng bao giờ tới gần định nghĩa về cái đẹp. Nhưng nếu chúng ta chỉ vào một người đẹp và nói rằng đẹp là như thế đó, thì mọi cái sẽ rõ ràng dễ hiểu. Kể từ khi người ta bắt đầu suy nghĩ về Thiên Chúa họ cố gắng định nghĩa xem Ngài là ai và Ngài là gì và trí óc hạn hẹp của họ không thể nào tới gần được một định nghĩa. Nhưng chúng ta có thể ngừng suy nghĩ và nhìn vào Chúa Giêsu Kitô và nói “Thiên Chúa giống như vậy đó”. Chúa Giêsu không đến để *nói* với con người về Thiên Chúa; Ngài đến để *chỉ* cho con người Thiên Chúa như thế nào, để những trí óc đơn giản nhất có thể biết rõ về Ngài giống như những bộ óc của các triết gia vĩ đại.

(b) *Chúa Giêsu là người thông tri* (communicator) *chân lý*. Ngài nói với các môn đệ rằng nếu họ ở lại với Ngài họ sẽ biết được chân lý (8:31). Ngài nói với Philatô rằng mục đích Ngài đến thế gian là để làm chứng cho chân lý (18:37). Chúa Giêsu là người mà trong những bóng mờ ảo ảnh đã làm cho mọi vật rõ ra, người mà trong những lối rẽ cuộc đời đã chỉ cho chúng ta đúng lối để bước đi; người mà trong những lúc giằng co khi chọn lựa, giúp chúng ta chọn đúng đường; người mà trong biết bao nhiêu tiếng nói lời kéo sự chú ý của chúng ta, bảo cho chúng ta biết điều gì phải tin.

(c) Ngay cả khi thân xác rời bỏ thế gian Chúa Giêsu vẫn để lại Thần khí của Ngài để hướng dẫn chúng ta trong chân lý. *Thần khí của Ngài là Thần khí của sự thật* (14:17; 15:26; 16:13). Ngài không để lại cho chúng ta một cuốn sách hướng dẫn hay một bộ giáo thuyết. Chúng ta không cần phải tìm trong một số sách giáo khoa khó hiểu để kiểm xem phải làm gì. Cho tới ngày nay, chúng ta vẫn có thể hỏi Chúa Giêsu việc gì phải làm vì Thần khí của Ngài ở với chúng ta từng bước trên mỗi nẻo đời.

(d) *Sự thật sẽ giải thoát chúng ta* (8:32). Luôn luôn có một giá trị giải phóng nào đó trong sự thật. Một đứa bé thường có những quan niệm lạ kỳ hay lầm lẫn về sự vật khi nó nghĩ về chúng; và thường nó đâm ra sợ hãi. Khi nó được nói cho biết sự thật thì nó được giải thoát khỏi sợ hãi. Một người sợ mình bị bệnh đi tới gặp bác sĩ; ngay cả khi kết quả định bệnh có xấu đi chẳng nữa, người ấy ít ra cũng được giải thoát khỏi nỗi lo sợ vu vơ trước khi đi khám bệnh. Chân lý mà Chúa Giêsu mang đến giải phóng chúng ta khỏi sự xa lạ với Thiên Chúa; nó giải phóng chúng ta khỏi sự nản lòng; nó giải phóng chúng ta khỏi những sợ hãi, yếu đuối và bỏ cuộc. Chúa Giêsu Kitô là nhà giải phóng vĩ đại nhất trên thế giới.

(e) *Chân lý có thể làm người ta phẫn nộ*. Họ tìm cách giết Chúa Giêsu khi Ngài nói với họ sự thật (8:40). Sự thật có thể kết án người ta; nó có thể chỉ rõ ra người ta sai lầm đến cỡ nào. Những người hoài nghi yếm thế (cynics) nói “Sự thật giống như ánh sáng đối với con mắt bị đau”. Họ tuyên bố rằng một ông thầy không bao giờ quấy rầy ai thì chẳng bao giờ giúp được ai cả. Người ta có thể bịt tai và nhắm mắt lại trước chân lý; họ có thể giết người nói cho họ sự thật – nhưng chân lý vẫn ở đó. Không ai có thể phá hủy chân lý bằng việc từ chối nghe lời người đã nói sự thật đó cho mình; và rồi cuối cùng sự thật cũng sẽ sáng tỏ.

(f) Chân lý có thể bị nghi ngờ (8:45). Có hai lý do làm người ta nghi ngờ chân lý. Họ có thể nghi ngờ nó vì nó quá thật để mà tin (too good to be true); hay họ có thể nghi ngờ bởi vì họ cố bám víu vào một nửa sự thật (half-truth) mà không dám bỏ nó ra. Trong rất nhiều trường hợp một nửa sự thật là kẻ thù tệ hại nhất của toàn bộ sự thật. Một nửa cái bánh vẫn là bánh, nhưng một nửa sự thật thì không là cái gì cả.

(g) Chân lý không phải là cái gì trừu tượng; nó là điều phải làm (3:21). Nó là điều ta phải biết bằng cái đầu, chấp nhận bằng con tim, và thực hành trong cuộc sống.

3. Chữ thứ ba là **vinh quang** (glory). Gioan dùng chữ này lập đi lập lại trong tương quan với Chúa Giêsu Kitô. Chúng ta trước tiên sẽ xem Gioan nói điều gì về vinh quang của Chúa Kitô, rồi chúng ta sẽ xét xem chúng ta có thể hiểu chút ít gì về điều Gioan muốn nói không.

(a) Cuộc đời của Chúa Giêsu Kitô là hiện thân của vinh quang. Khi Ngài làm phép lạ biến nước thành rượu tại Cana xứ Galilê, Gioan nói rằng Ngài bày tỏ vinh quang của Ngài (2:11). Nhìn vào Chúa Giêsu và cảm nghiệm quyền năng và tình yêu của Ngài chúng ta bước vào trong một vinh quang mới.

(b) Vinh quang mà Ngài biểu lộ là vinh quang của Thiên Chúa. Ngài không nhận được nó từ loài người (5:41). Ngài không tìm kiếm vinh quang cho mình nhưng vinh quang cho Đấng đã sai Ngài (7:18). Chính Cha là Đấng đã tôn vinh Ngài (8:50, 54). Chính vì vinh quang của Thiên Chúa mà Matta sẽ thấy Lazarô sống lại (11:4). Cho Lazarô sống lại là cho vinh quang của Thiên Chúa, nhờ đó mà Con được tôn vinh (11:4). Vinh quang ở nơi Chúa Giêsu, bao bọc quanh Ngài, tỏa sáng qua Ngài, hoạt động trong Ngài là vinh quang của Thiên Chúa.

(c) Nhưng vinh quang đó là cá biệt của chính Ngài. Vào cuối đời Ngài cầu nguyện rằng Thiên Chúa sẽ tôn vinh Ngài với vinh quang mà Ngài đã có trước khi thế giới bắt đầu (17:5). Ngài tỏa sáng không phải bằng hào quang vay mượn; vinh quang đó chính là của Ngài và tự nơi Ngài mà có.

(d) Vinh quang mà Ngài có, Ngài chuyển giao qua cho các môn đệ của Ngài. Vinh quang mà Thiên Chúa ban cho Ngài, Ngài ban lại cho họ (17:22). Nó giống như Chúa Giêsu được chia phần trong vinh quang của Thiên Chúa và các môn đệ được chia phần trong vinh quang của Ngài. Sự xuất hiện của Chúa Giêsu là sự xuất hiện của vinh quang Thiên Chúa giữa nhân loại.

Gioan muốn nói gì qua tất cả những điều này? Để trả lời cho câu hỏi này chúng ta phải lần dò lại Cựu Ước. Đối với người Do thái ý niệm về Shechinah rất quý giá. Shechinah có nghĩa là sự cư ngụ (that which dwells); và nó là chữ dùng cho sự hiện diện hữu hình của Thiên Chúa giữa nhân loại. Trong Cựu Ước chúng ta thấy lập đi lập lại cái ý tưởng là vào một thời điểm nhất định vinh quang Thiên Chúa có thể thấy được giữa nhân loại. Trong sa mạc, trước khi được ban cho manna, con cái Israel “nhìn vào hoang địa, và này đây, vinh quang của Chúa xuất hiện trong đám mây” (Xh 16:10). Trước khi ban bố Mười Điều Răn, “vinh quang của Chúa đậu trên núi Sinai” (Xh 24:16). Khi Lều Tạm được dựng lên và trang hoàng, “vinh quang của Chúa phủ đầy Lều tạm” (Xh 40:34). Khi Đền thờ Solomom được cung hiến các tư tế không vào trong để thi hành nhiệm vụ được “vì vinh quang của Chúa phủ đầy nhà Chúa” (1Vua 8:11). Khi Isaiah thấy thị kiến trong Đền thờ, ông nghe tiếng ca đoàn thiên thần hát rằng “toàn trái đất đầy vinh quang của Người” (Is 6:3). Ezekiel trong lúc xuất thần nhìn thấy “cái giống như là vinh quang của Chúa” (Ed 1:28). Trong Cựu Ước vinh quang Chúa đến vào những lúc khi Thiên Chúa đã rất gần.

Vinh quang Chúa có nghĩa đơn giản là sự hiện diện của Thiên Chúa. Gioan dùng hình ảnh thật thân quen. Người cha ban cho người trưởng nam quyền bính của mình, danh dự của chính mình. Người thừa kế ngai vàng, vị thái tử, được tấn phong với tất cả vinh quang vương giả của cha mình. Với Chúa Giêsu cũng như vậy. Khi Ngài xuống thế gian nhân loại nhìn thấy nơi Ngài sự vinh hiển của Thiên Chúa, và ở tâm điểm của sự vinh hiển đó là tình yêu. Khi Chúa Giêsu xuống thế gian nhân loại nhìn thấy sự kỳ diệu, và sự kỳ diệu là tình yêu. Họ nhìn thấy vinh quang của Thiên Chúa và tình yêu của Thiên Chúa là một và cùng một thứ. Vinh quang của Thiên Chúa không là vinh quang của một bạo chúa đông phương, nhưng là vẻ huy hoàng của tình yêu mà trước mặt nó chúng ta không bái lạy vì kính sợ mà bị tan biến trong kinh ngạc, yêu mến, và ngợi khen.